

Số: /2024/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 321/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này, định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân Tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa X, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2024./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (Vụ Pháp chế);
- Bộ NN&PTNT (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH Tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Thắng**

## QUY ĐỊNH

### Về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Cơ chế, chính sách này quy định một số nội dung hỗ trợ để thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp như:

1. Cơ chế đầu tư xây dựng các điểm dân cư để bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án (sau đây gọi là cụm, tuyến dân cư) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các hạng mục quy định tại điểm b khoản 2 mục IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ chế giao đất ở tại các cụm, tuyến dân cư cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bố trí ổn định dân cư, nhằm thực hiện nội dung bố trí đất ở theo quy định tại điểm a khoản 2 mục IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg.

3. Mức hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình bố trí dân cư theo quy định tại điểm c khoản 2 mục IV Quyết định số 590/QĐ-TTg và điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các dự án bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, với mục tiêu bố trí ổn định dân cư tại các vùng: Thiên tai, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, đầu tư xây dựng các dự án bố trí dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hộ gia đình, cá nhân là đối tượng được bố trí ổn định dân cư theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Các quy định không có trong Quy định này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng cho cơ chế, chính sách này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, hộ gia đình là người có tên trong cùng một hộ gia đình đăng ký thường trú đã được cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của Luật Cư trú.

### **Điều 5. Đối tượng được bố trí ổn định dân cư**

Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

1. Hộ gia đình, cá nhân thường trú trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, bao gồm:
  - a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ; hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, ngập lụt, nước dâng.
  - b) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng.
  - c) Hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.
2. Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến địa bàn tỉnh Đồng Tháp không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn.

## **Chương II**

### **CƠ CHẾ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CỤM, TUYẾN DÂN CƯ**

#### **Điều 6. Nguyên tắc thực hiện xây dựng các cụm, tuyến dân cư**

1. Đầu tư xây dựng các cụm, tuyến dân cư để bố trí ổn định dân cư theo hình thức tái định cư tập trung, bao gồm: Tôn nền, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (giao thông nội bộ, cấp điện, cấp nước sinh hoạt, thoát nước và các công trình đảm bảo vệ sinh môi trường trong cụm, tuyến dân cư), bảo đảm chỗ ở ổn định, lâu dài cho các hộ dân thuộc đối tượng tại Điều 5 Quy định này.

2. Xây dựng các cụm, tuyến dân cư phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị nông thôn và quy hoạch thoát lũ của vùng. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lựa chọn địa điểm xây dựng các cụm, tuyến dân cư phù hợp với tập quán sinh hoạt, việc đi lại và làm ăn, sinh sống của người dân; phù hợp các quy định về môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải rà soát cụ thể số lượng hộ gia đình, cá nhân tại Điều 5 Quy định này để làm cơ sở đầu tư xây dựng các cụm, tuyến dân

cur, bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế của các đối tượng và khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước, tránh việc đầu tư lãng phí.

**Điều 7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng các cụm, tuyến dân cư thuộc dự án bố trí ổn định dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

1. Vốn xây dựng các cụm, tuyến dân cư từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và vốn huy động hợp pháp khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện khi thực hiện xây dựng cụm, tuyến dân cư trên địa bàn, được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của Tỉnh để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư; cân đối hoàn trả từ bán đấu giá nền nhà thương mại, tối đa 30% số nền nhà trong cụm, tuyến dân cư, việc hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trường hợp dự án được đầu tư hoàn toàn từ ngân sách nhà nước thì toàn bộ số nền nhà trong cụm, tuyến (trừ những nền nhà tái định cư theo khoản 3 Điều 10 Quy định này) là nền nhà chính sách để bố trí cho các đối tượng tại Điều 5 Quy định này.

**Chương III**

**CƠ CHẾ GIAO ĐẤT Ở TẠI CÁC CỤM, TUYẾN DÂN CƯ**

**Điều 8. Nguyên tắc giao đất ở tại các cụm, tuyến dân cư**

1. Giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 119 Luật Đất đai.

2. Đối tượng được bố trí ổn định dân cư tại Điều 5 Quy định này nếu thuộc trường hợp giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Điều 124 Luật Đất đai, khi di chuyển vào ở trong các cụm, tuyến dân cư, được bố trí 01 nền nhà (sau đây gọi là nền nhà chính sách).

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống thì việc xem xét hỗ trợ bố trí nền nhà trong các cụm, tuyến dân cư theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai.

**Điều 9. Tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với nền nhà chính sách trong cụm, tuyến dân cư**

1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí nền nhà chính sách trong các cụm, tuyến dân cư nếu thuộc trường hợp miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao trong hạn mức giao đất ở, nhưng phải thanh toán lệ phí trước bạ theo quy định.

2. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí nền nhà chính sách trong các cụm, tuyến dân cư nếu thuộc trường hợp miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP thì được miễn tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ phải nộp ngân sách nhà nước đối với phần diện tích đất được giao trong hạn mức giao đất ở.

3. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí nền nhà chính sách trong các cụm, tuyến dân cư nếu thuộc trường hợp giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP thì được giảm 50% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao trong hạn mức giao đất ở, nhưng phải thanh toán lệ phí trước bạ theo quy định.

4. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí nền nhà trong các cụm, tuyến dân cư nếu không thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất thì phải thanh toán tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo quy định.

5. Việc ghi nợ tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và Điều 22 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

### **Điều 10. Cơ chế về nền nhà trong cụm, tuyến dân cư**

#### **1. Nền nhà thương mại**

a) Các địa phương được chủ động điều tiết bán tối đa 30% số nền nhà trong cụm, tuyến dân cư thông qua hình thức bán đấu giá nền nhà thương mại. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá này được nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và hoàn trả vốn ứng theo quy định hiện hành.

b) Khi số nền nhà thương mại bán đấu giá đủ để hoàn trả vốn ứng từ Quỹ phát triển đất của Tỉnh thì dừng việc bán đấu giá, số nền nhà thương mại còn lại (nếu có) chuyển sang nền nhà chính sách.

#### **2. Nền nhà chính sách**

Hộ gia đình, cá nhân được bố trí nền nhà chính sách trong các cụm, tuyến dân cư nếu thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất nhưng không đáp ứng các điều kiện để được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định, sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại quyết định giao đất nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc người sử dụng đất đề nghị không áp dụng ưu đãi do không còn đáp ứng các điều kiện để được miễn, giảm thì phải nộp tiền sử dụng đất đã được miễn, giảm theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

#### **3. Nền nhà tái định cư**

Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để xây dựng cụm, tuyến dân cư, nếu được hưởng chính sách tái định cư thì được bố trí nền nhà tái định cư trong cụm, tuyến dân cư theo Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

## **Chương IV MỨC HỖ TRỢ TRỰC TIẾP**

### **Điều 11. Mức hỗ trợ trực tiếp đối tượng được bố trí ổn định dân cư**

Hộ gia đình, cá nhân di chuyển đến nơi ở mới theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã hoàn thành việc xây dựng nhà ở và vào ở ổn định, được hỗ trợ di chuyển người và tài sản, nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu đến tại nơi tái định cư, tối đa không quá 12 tháng), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung), mức hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân được bố trí nền nhà chính sách trong cụm, tuyển dân cư hoặc tự tìm nơi ở mới an toàn, hợp pháp là 15.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

2. Mức hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở do sạt lở; phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai là 30.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

3. Mức hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân được bố trí nền nhà chính sách trong các cụm, tuyển dân cư biên giới thuộc ấp giáp biên giới là 50.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân; các ấp không giáp biên giới thuộc xã biên giới là 40.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

4. Trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức hỗ trợ thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

#### **Điều 12. Kinh phí hỗ trợ**

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn hợp pháp khác./.